

Bản án số: **103/2026/HS-ST**

Ngày 05 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Phong Êban và ông Hồ Xuân Giao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05/5/2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2026/TLST-HS ngày 06/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXXST-HS ngày 23/4/2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Minh D** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/10/1983 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: Số nhà E S, tổ dân phố A, phường T, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện tại: Số F M, phường E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đ, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; gia đình bị cáo có 04 anh chị em; bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là bà Phạm Thị Hồng T (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con là Phạm Minh Trung H1, sinh năm 2017. Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án, cụ thể:

- Ngày 21/8/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 267/2018/HSPT, ngày 20/5/2021 chấp hành xong bản án. Chưa được xóa án tích.

- Ngày 10/8/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 224/HS-ST, ngày 16/10/2024 chấp hành xong bản án. Chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

- Ngày 20/9/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 183/2007/HSST, ngày 17/5/2007 chấp hành xong bản án.

- Ngày 23/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy tại Bản án số 309/2011/HSST, ngày 29/3/2014 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/01/2026 đến ngày 09/01/2026 và được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường E, tỉnh

Đắk Lắk. (vắng mặt)

2. Bà Lò Thị T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số B M, phường B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Doãn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số A Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số F N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

5. Bà Lò Thị M, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

6. Bà Bùi Thị Diễm L1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số I Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01/2025, do không có công việc ổn định và nhận thấy việc cho người dân vay tiền với lãi suất cao nhanh thu lợi, Trương Minh D nảy sinh ý định cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính.

Để hoạt động cho vay, D thường đến các chợ trên địa bàn phường E, tỉnh Đắk Lắk để giới thiệu về việc cho vay tiền không cần thế chấp tài sản với những người dân buôn bán ở chợ. Khi có người vay liên hệ thì D đến nơi làm việc hoặc nhà của người vay để xác minh khả năng trả nợ rồi mới quyết định việc cho vay, số tiền vay và thời gian vay. Khi cho vay D đưa tờ giấy có tiêu đề giấy mượn tiền đã in sẵn các nội dung gồm: Thông tin lai lịch người vay, số tiền vay, ngày trả... cho người vay rồi yêu cầu người vay tự điền các thông tin trên rồi đưa lại cho D giữ, khi người vay trả xong tiền thì D xé bỏ giấy vay tiền này.

D cho vay tiền dưới hình thức tiền góp (*trả gốc và lãi theo ngày*) và tiền đứng (*trả lãi theo thời gian thỏa thuận*), cụ thể: Đối với hình thức tiền góp D cho vay 02 gói là 5.000.000 đồng hoặc 10.000.000 đồng, nếu khách vay số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn góp là 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng. Khi góp đủ 30 ngày thì D sẽ thu được 6.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi. Nếu khách vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn góp là 30 ngày, mỗi ngày đóng 400.000 đồng nên khi góp đủ 30 ngày thì D sẽ thu được 12.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (*trương ứng với mức lãi suất 243,33%/năm*). Đối với hình thức tiền đứng: D cho vay số tiền 5.000.000đ hoặc 10.000.000 đồng, lãi suất là 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thỏa thuận 10 ngày đóng lãi 01 lần cho đến khi trả hết số tiền gốc. (*trương ứng với mức lãi suất 365%/năm*). Để hoạt động cho vay tiền D sử dụng số điện thoại 0945630707, đăng ký tài khoản Zalo tên “D Minh M1” để liên hệ với người vay và nhắc người vay đóng tiền theo thỏa thuận; D sử dụng tài khoản số 00000198356789 tên “TRUONG MINH D” mở tại Ngân hàng Q (M2) để chuyển tiền khoản vay và thu tiền góp ngày, tiền lãi suất của người vay, ngoài ra D còn trực tiếp thu tiền góp ngày, tiền lãi suất của người vay.

Trong thời gian từ tháng 01/2025 đến ngày 05/01/2026, D đã cho 06 người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố C, phường E, tỉnh Đắk Lắk) vay 08 lần tiền góp, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 01/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 2: Tháng 02/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 3: Tháng 3/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 4: Tháng 4/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 5: Tháng 5/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 6: Tháng 6/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 7: Tháng 7/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 8: Tháng 8/2025, bà T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

Như vậy, Trương Minh D đã cho bà Nguyễn Thị T1 vay tổng số tiền là 80.000.000 đồng, thu lợi bất chính 14.684.928 đồng.

2. Bà Lò Thị T2 (sinh năm 1987, trú tại B M, phường B, tỉnh Đắk Lắk) vay 02 lần hình thức tiền góp, 01 lần vay tiền đứng, cụ thể:

*** Vay tiền góp:**

- Lần 1: Tháng 01/2025, bà T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

- Lần 2: Tháng 02/2025, bà T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp số tiền 400.000 đồng, góp trong thời gian 30 ngày. Khoản vay này bà T1 đã góp đủ 30 ngày, tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là 2.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 164.384 đồng nên D thu lợi bất chính 1.835.616 đồng.

*** Vay tiền đứng:** Khoảng tháng 6/2025, bà T2 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thoả thuận 10 ngày phải đóng tiền lãi 01 lần. Khoản vay này, bà T2 đã đóng được 90 ngày tiền lãi với số tiền 9.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 493.151 đồng nên D thu lợi bất chính 8.506.849 đồng. Sau đó, bà T2 thoả thuận với D cho bà T2 trả tiền gốc, không trả lãi nữa thì D đồng ý, đến nay bà T2 đã trả được 6.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại số tiền 4.000.000 đồng.

Như vậy, Trương Minh D cho bà Lò Thị T2 vay tổng số tiền là 30.000.000đ, thu lợi bất chính 12.178.081 đồng. Bà T2 còn nợ lại 4.000.000 đồng tiền gốc.

3. Ông Nguyễn Doãn L (sinh năm 1987, trú tại A Y, phường E, tỉnh Đắk Lắk): Ngày 02/12/2025, ông L vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thoả thuận 10 ngày đóng tiền lãi 01 lần. Ông L đã đóng được 30 ngày tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định của Nhà nước là 328.767 đồng nên D đã thu lợi bất chính 5.671.233 đồng. Ông L còn nợ lại 20.000.000 đồng tiền gốc.

4. Bà Nguyễn Thị Thu H2 (sinh năm 1985, trú tại 6 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk): Ngày 07/7/2025, bà H2 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thoả thuận 10 ngày đóng tiền lãi 01 lần. Bà H2 đã đóng được 170 ngày tiền lãi với số tiền 34.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định của Nhà nước là 1.863.014 đồng nên D thu lợi bất chính 32.136.986 đồng. Bà H2 còn nợ lại 20.000.000 đồng tiền gốc.

5. Bà Lò Thị M (sinh năm 1982, trú tại A H, phường B, tỉnh Đắk Lắk): Khoảng tháng 01/2025, bà M vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thoả thuận 10 ngày phải đóng tiền lãi 01 lần. Khoản vay này, bà M đã đóng được 50 ngày tiền lãi với số tiền 5.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 273.973đ nên D thu lợi bất chính 4.726.027 đồng. Sau đó, bà M thoả thuận với D cho bà M trả tiền gốc, không trả lãi nữa thì D đồng ý, đến nay bà M đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại số tiền 8.000.000 đồng.

6. Bà Bùi Thị Diễm L1 (sinh năm 1981, trú tại I Đ, phường B, tỉnh Đắk Lắk): Khoảng tháng 5/2025, bà L1 vay của D số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 10.000đ/1.000.000đ/01 ngày, thoả thuận 10 ngày đóng lãi 01 lần. Khoản vay này, bà L1 đã đóng được 180 ngày với số tiền 9.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 493.151 đồng nên D thu lợi bất chính 8.506.849 đồng. Sau đó, bà L1 thoả thuận với D cho bà L1 trả tiền gốc, không trả lãi nữa thì D đồng ý, đến nay bà L1 vẫn nợ lại 5.000.000 đồng tiền gốc chưa trả.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2025 đến tháng 01/2026 Trương Minh D đã cho 06 người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay tiền với tổng số tiền gốc là 165.000.000 đồng, lãi suất cho vay từ 243%/năm đến 365%/năm. Tổng số tiền lãi mà D đã thu được là 83.000.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định Nhà nước là 5.095.896 đồng. Tổng số tiền mà D đã thu lợi bất chính là 77.904.104 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSĐL-P2 ngày 31/3/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Trương Minh D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Minh D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Trương Minh D từ 30 tháng đến 36 tháng cải tạo không giam giữ được khấu trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (tương ứng 09 ngày cải tạo không giam giữ).

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng, số IMEI: 352837111921515, IMEI2: 352837111792429; gắn sim mạng Vinaphone của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng.

Đối với các giấy mượn tiền là vật chứng của vụ án cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

- Truy thu bị cáo số tiền 77.904.104 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu lợi từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể: Hoàn trả cho ông Nguyễn Doãn L, số tiền 5.671.233 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, số tiền 32.136.986 đồng; bà Nguyễn Thị T1, số tiền 14.684.928 đồng; bà Lò Thị T2, số tiền 12.178.081 đồng; bà Lò Thị M, số tiền 4.726.027 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1, số tiền 8.506.849 đồng

- Truy thu bị cáo số tiền 113.095.896 đồng đây là số tiền gốc người vay đã trả và lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của người vay để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Ông Nguyễn Doãn L, Số tiền 328.767 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, Số tiền 1.863.014 đồng; bà Nguyễn Thị T1, Số tiền 81.315.072 đồng; bà Lò Thị T2, Số tiền 26.821.919 đồng; bà Lò Thị M, Số tiền 2.273.973 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1, Số tiền 493.151 đồng.

- Truy thu những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) tổng số tiền 57.000.000 đồng, đây là số tiền nợ gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của ông Nguyễn Doãn L số tiền 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 20.000.000 đồng; bà Lò Thị T2 số tiền 4.000.000 đồng; bà Lò Thị M số tiền 8.000.000 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1 số tiền 5.000.000 đồng.

Bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2025 đến tháng 01/2026, Trương Minh D đã cho 06 người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk vay 165.000.000 đồng với lãi suất từ 243.33%/năm đến 365%/năm, thu lợi bất chính 77.904.104 đồng, vượt mức cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Minh D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 truy tố đối với bị cáo Trương Minh D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 201 Tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

Xét thấy, hành vi tội phạm do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, tài chính, ngân hàng gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây dư luận xấu trong xã hội và làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích. Bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự ‘*Tái phạm*’ mà lại thực hiện hành vi phạm tội cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo có 02 tiền án, đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bị cáo có nhân thân xấu.

Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2025: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích thu lợi bất chính, bị cáo bị áp dụng hình phạt chính không phải là hình phạt tiền nên cần áp dụng nghiêm khắc hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng, số IMEI: 352837111921515, IMEI2: 352837111792429; gắn sim mạng Vinaphone của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội là phù hợp.

Tịch thu, tiêu hủy 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng là phù hợp.

Đối với các giấy mượn tiền là vật chứng của vụ án cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[6] Về xử lý vật tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự

- Truy thu bị cáo số tiền 77.904.104 đồng, đây là số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu lợi từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) để trả lại tiền cho những người vay, cụ thể: Hoàn trả cho ông Nguyễn Doãn L, số tiền 5.671.233 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, số tiền 32.136.986 đồng; bà Nguyễn Thị T1, số tiền 14.684.928 đồng; bà Lò Thị T2, số tiền 12.178.081 đồng; bà Lò Thị M, số tiền 4.726.027 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1, số tiền 8.506.849 đồng

- Truy thu bị cáo số tiền 113.095.896 đồng đây là số tiền gốc người vay đã trả và lãi (20%/năm) không vượt quá lãi suất quy định mà bị cáo đã thu được của người vay để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Ông Nguyễn Doãn L, số tiền 328.767 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, số tiền 1.863.014 đồng; bà Nguyễn Thị T1, số tiền 81.315.072 đồng; bà Lò Thị T2, số tiền 26.821.919 đồng; bà Lò Thị M, số tiền 2.273.973 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1, số tiền 493.151 đồng.

- Truy thu những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) tổng số tiền 57.000.000 đồng, đây là số tiền nợ gốc mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu ông Nguyễn Doãn L, số tiền 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, số tiền 20.000.000 đồng; bà Lò Thị T2, số tiền 4.000.000 đồng; bà Lò Thị M, số tiền 8.000.000 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1, số tiền 5.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Minh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trương Minh D phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo **Trương Minh D**: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ là 03 ngày (tương ứng 09 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 02 năm 05 tháng 21 ngày tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trương Minh D.

[2] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Trương Minh D 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

[3] Áp dụng Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Truy thu bị cáo số tiền 77.904.104 đồng, để hoàn trả tiền cho những người vay, cụ thể: Hoàn trả cho ông Nguyễn Doãn L, số tiền 5.671.233 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, số tiền 32.136.986 đồng; bà Nguyễn Thị T1, số tiền 14.684.928 đồng; bà Lò Thị T2, số tiền 12.178.081 đồng; bà Lò Thị M, số tiền 4.726.027 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1, số tiền 8.506.849 đồng.

- Truy thu bị cáo số tiền 113.095.896 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (người vay) tổng số tiền 57.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của ông Nguyễn Doãn L, số tiền 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thu H2, số tiền 20.000.000 đồng; bà Lò Thị T2, số tiền 4.000.000 đồng; bà Lò Thị M, số tiền 8.000.000 đồng; bà Bùi Thị Diễm L1, số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu vàng, số IMEI: 352837111921515, IMEI2: 352837111792429; gắn sim mạng Vinaphone của bị cáo.

Tịch thu, tiêu hủy 01 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng.

Đối với các giấy mượn tiền là vật chứng của vụ án cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

(Vật chứng có đặc điểm cụ thể theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/4/2026 giữa Công an Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự 1 - Đắk Lắk)

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Minh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Kv1;
- Phòng THADS KV 1;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (PV06);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Thi hành án phạt tù;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguy Thế Xuân